

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và tài sản bị thiệt hại của 18 hộ gia đình, cá nhân do GPMB dự án: Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (Đợt 8).

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 813/TTr-STNMT ngày 10/07/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và tài sản bị thiệt hại của 18 hộ gia đình, cá nhân do GPMB dự án: Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là 24.911.025.000 đồng (*Hai mươi bốn tỷ, chín trăm mười một triệu, không trăm hai mươi lăm ngàn đồng*). Trong đó:

- | | |
|---------------------------------------|----------------------|
| - Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: | 24.330.574.000 đồng; |
| - Thuởng đẩy nhanh tiến độ GPMB: | 92.000.000 đồng; |
| - Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): | 488.451.000 đồng; |

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới.

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. (M.12b) *✓*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB
DỰ ÁN: XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN TỪ QUỐC LỘ 1D - QUỐC LỘ 19 MỚI

Địa điểm: phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày _____/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số liệu đo đạc phục vụ GPMB				Loại đất	DT thu hồi theo Quy hoạch (m ²)	DT đề nghị thu hồi hết (m2)	Giá trị BT đất đai	Hỗ trợ 50% giá đất ở	Các khoản BT, HT khác	Giá trị BT vật kiến trúc	Giá trị BT cây cối, hoa màu	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	Tổng giá trị BT, HT	Giao đất tái định cư
			Số thửa	Mảnh trích đo số	Tờ bản đồ địa chính số	Tổng DT thửa đất (m ²)											
I	Có Giấy CNQSD đất ở					847,2		137,9	0,0	4.217.727.000	290.700.000	98.000.000	1.693.475.295	8.837.000	34.000.000	6.342.739.295	
1	Nguyễn Xuân Cường, vợ Lê Thị Dư	370 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	123	TD3	78	157,7	ODT+BHK	6,4		224.000.000		16.000.000	128.780.509	1.575.000	5.000.000	375.355.509	
2	Lê Văn Đông	34 Đào Tấn, phường Nhơn Bình	94	TD3	77	210,5	ODT	33,7		570.727.000	290.700.000		30.981.140	5.010.000	1.000.000	898.418.140	
3	Lê Thị Thuyết	Sa Thầy, Kon Tum	126	TD3	77	107,7	ODT	16,3		570.500.000		16.000.000	217.026.592	1.785.000	5.000.000	810.311.592	
4	Bà Trần Thị Thanh Xuân	356 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	129	TD3	77	87,9	ODT	25,0		875.000.000		16.000.000	361.742.872	126.000	5.000.000	1.257.868.872	
5	Nguyễn Hữu Nam, vợ Đỗ Thị Ngọc Phương	352 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	158	TD3	77	70,1	ODT	18,6		651.000.000		17.000.000	307.127.275		6.000.000	981.127.275	
6	Phạm An, vợ Nguyễn Thị Hương	354 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	159	TD3	77	73,9	ODT	19,8		693.000.000		16.000.000	163.201.217	341.000	5.000.000	877.542.217	
7	Lê Trường Vinh	366 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	121	TD3	78	139,4	ODT	18,1		633.500.000		17.000.000	484.615.690		7.000.000	1.142.115.690	
II. Chưa được cấp GCN QSD đất						1.285,1		627,6	19,4	13.414.605.000	0	174.000.000	4.412.643.833	20.586.000	58.000.000	18.079.834.833	
1	Võ Mười (chết), con Võ Thị Bé Bình đại diện	Tổ 8, Khu vực 2, phường Nhơn Bình	180	TD3	79	33,3	ODT	33,3		742.000.000		29.000.000	413.432.688		7.000.000	1.191.432.688	TĐC
2	Nguyễn Văn Biên, vợ Nguyễn Thị Thúc	28 Đào Tấn, phường Nhơn Bình	97	TD3	77	54,2	ODT	25,5		867.000.000		17.000.000	641.937.432	851.000	7.000.000	1.533.788.432	

TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số liệu đo đạc phục vụ GPMB				Loại đất	DT thu hồi theo Quy hoạch (m ²)	DT đề nghị thu hồi hết (m2)	Giá trị BT đất đai	Hỗ trợ 50% giá đất ở	Các khoản BT, HT khác	Giá trị BT vật kiến trúc	Giá trị BT cây cối, hoa màu	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	Tổng giá trị BT, HT	Giao đất tái định cư
			Số thửa	Mảnh trích đo số	Tờ bản đồ địa chính số	Tổng DT thửa đất (m ²)											
3	Nguyễn Trị, vợ Nguyễn Thị Thì	Tổ 9, KV 2, phường Nhơn Bình	143	TD3	77	289,3	LUC	48,4		0		0	133.716.475	252.000	5.000.000	138.968.475	
4	Lưu Trọng Ngọc, vợ Trần Thị Hà	Tổ 10, KV 2, phường Nhơn Bình	84	TD3	77	189,8	BHK	108,4		0		0	308.000.896	5.125.000	5.000.000	318.125.896	
5	Nguyễn Thị Hoa	Khu vực 2, phường Nhơn Bình	178	TD3	79	47,3	ODT	1,9		19.950.000			328.429.212		5.000.000	353.379.212	
6	Huỳnh Văn Hồng, vợ Đặng Thị Hữu	03 Đào Tấn, phường Nhơn Bình	135	TD3	77	97,6	ODT	78,2	19,4	3.318.400.000		29.000.000	613.937.510	1.998.000	6.000.000	3.969.335.510	TĐC
7	Huỳnh Văn Lộc	Tổ 9, Khu vực 2, phường Nhơn Bình	111	TD3	77	117,3	ODT	8,3		282.200.000			11.092.720	1.890.000	1.000.000	296.182.720	
8	Lê Thì (chết), con dâu Mai Thị Xuân đại diện kê khai	340 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	148	TD3	77	43,1	ODT	43,1		1.508.500.000		27.000.000	194.826.251	504.000	5.000.000	1.735.830.251	TĐC
9	Nguyễn Thanh Tuấn, vợ Dương Thị Thủy Dung	Tổ 9, khu vực 2, phường Nhơn Bình	138	TD3	77	123,4	ODT	123,4		1.295.700.000		27.000.000	622.945.876	8.139.000	5.000.000	1.958.784.876	TĐC
10	Nguyễn Văn Nhơn	328 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	164	TD3	79	127,4	ODT	127,4		4.341.355.000		29.000.000	960.571.993	1.260.000	7.000.000	5.339.186.993	TĐC
11	Lê Văn Chương (chết), vợ Nguyễn Thị Lê	360 Hùng Vương, phường Nhơn Bình	127	TD3	77	162,4	ODT	29,7		1.039.500.000		16.000.000	183.752.780	567.000	5.000.000	1.244.819.780	
IV	A. Tổng giá trị BT, HT: (I)+(II)+(III)					2.132,3		765,5	19,4	17.632.332.000	290.700.000	272.000.000	6.106.119.128	29.423.000	92.000.000	24.422.574.000	
	B. Chi phí GPMB: (A) x 2 %															488.451.000	
	Tổng cộng: (A) + (B)															24.911.025.000	